

Số: 22 /2016/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 27 tháng 6 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 Quyết định số 03/2015/QĐ-UBND ngày 13/02/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tỷ lệ % tính đơn giá thuê đất, đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm, đơn giá thuê đất có mặt nước và thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 Quyết định số 03/2015/QĐ-UBND ngày 13/02/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định tỷ lệ % tính đơn giá thuê đất, đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm, đơn giá thuê đất có mặt nước và thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, cụ thể như sau:

“1. Tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất

a) Tỷ lệ phần trăm (%) để xác định đơn giá thuê đất một năm bằng 0,5% giá đất tính thu tiền thuê đất tại thời điểm ban hành quyết định cho thuê đất, gồm:

- Đất thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

- Đất thuộc khu kinh tế trên địa bàn tỉnh;

- Đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối; đất sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh của dự án đầu tư thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư;

- Đất sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh của dự án đầu tư thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư thực hiện trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

b) Tỷ lệ phần trăm (%) để xác định đơn giá thuê đất một năm bằng **0,75%** giá đất tính thu tiền thuê đất tại thời điểm ban hành quyết định cho thuê đất, gồm:

- Đất thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn;

- Đất thuộc các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh;

- Đất thuộc địa bàn các xã, thị trấn của huyện Càng Long, Duyên Hải và đất thuộc địa bàn các xã của thị xã Duyên Hải;

- Đất sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh của dự án đầu tư thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư.

c) Tỷ lệ phần trăm (%) để xác định đơn giá thuê đất một năm bằng **1%** giá đất tính thu tiền thuê đất tại thời điểm ban hành quyết định cho thuê đất, gồm: đất thuộc địa bàn các phường của thị xã Duyên Hải; phường 8, 9 của thành phố Trà Vinh.

d) Tỷ lệ phần trăm (%) để xác định đơn giá thuê đất một năm bằng **1,5%** giá đất tính thu tiền thuê đất tại thời điểm ban hành quyết định cho thuê đất, gồm đất thuộc địa bàn các phường 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 của thành phố Trà Vinh.

đ) Trường hợp xác định tỷ lệ phần trăm (%) có sự khác biệt giữa mục đích sử dụng đất và địa bàn thuê đất thì áp dụng tỷ lệ phần trăm (%) thấp hơn, có lợi cho tổ chức, cá nhân thuê đất.

e) Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; danh mục dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư, lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư nêu tại các điểm a, b, c, d khoản này theo quy định tại Phụ lục I, II ban hành kèm theo Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư. Riêng đối với địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn là thành phố Trà Vinh thì đất thuộc địa bàn các phường của thành phố Trà Vinh áp dụng theo điểm c, d khoản này.

g) Đơn giá thuê đất được xác định theo hướng dẫn tại Điều 3 Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.”

## **Điều 2. Xử lý chuyển tiếp**

a) Những dự án thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, đang trong thời gian ổn định đơn giá thuê đất, nhưng đơn giá thuê đất đang nộp cao hơn đơn giá thuê đất quy định tại Quyết định này, nếu người thuê đất có đề nghị bằng văn bản thì được thực hiện xác định lại đơn giá thuê đất theo quy định tại Quyết định này, kể từ ngày người thuê đất có văn bản đề nghị, cho đến hết thời hạn ổn định đơn giá thuê đất còn lại.

b) Các trường hợp cho thuê đất tại thị xã Duyên Hải, huyện Duyên Hải phát sinh trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, chưa xác định đơn giá thuê đất thì áp dụng đơn giá thuê đất theo địa bàn khi chưa chia tách, sáp nhập; trường

hợp đơn giá thuê đất xác định cao hơn đơn giá quy định tại Quyết định này, thì áp dụng xác định đơn giá thuê đất theo Quyết định này kể từ ngày thuê đất.

**Điều 3.** Giao Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế Trà Vinh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Quyết định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Tài chính xem xét, xử lý hoặc tổng hợp báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế Trà Vinh; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Trà Vinh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định này thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Cục KTVB - Bộ Tư pháp;
- Bộ: TC, TN&MT;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- Như Điều 5;
- LĐVP.UBND tỉnh;
- Trung tâm TH-CB;
- Website Chính phủ;
- Các Phòng NC;
- Lưu: VT, KTTH. 33 b.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT.CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Anh Dũng**

